

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chung và Ông Nguyễn Thái Hòa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020. Về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐST – HNGĐ ngày 15/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị O, sinh năm 1978 (có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn Tr, sinh năm 1977.(vắng mặt).

Đều trú tại: thôn X, xã Đại Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 02 năm 2020, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn chị Bùi Thị O trình bày: Chị kết hôn với anh Tr năm 1997. Trước khi cưới có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Đ. Cưới xong chị về làm ăn ở chung cùng gia đình anh Tr ngay. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, trong cách làm ăn kinh tế. Năm 1999 thì vợ chồng đi làm ăn ở Lạng Sơn. Nhưng do làm ăn thua lỗ nên năm 2009 vợ chồng về xã Đại Đ ở và đến năm 2010 vợ chồng lên làm ăn ở huyện M, tỉnh Điện Biên. Được một hai năm đầu vợ chồng làm ăn bình thường, sau đó do anh Tr chơi bời lơ đãng cờ bạc không chịu khó làm ăn dẫn đến phá hết tài sản và bản thân chị phải trả nợ nhiều

lần cho anh Tr. Chị khuyên bảo động viên nhưng anh Tr không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Đến cuối năm 2018 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay vợ chồng và gia đình không quan tâm gần gũi gì. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh Tr.

Về con chung: chị Oanh xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Trần Thu Tr, sinh ngày 25/8/1999; cháu Trần Thị Như Q, sinh ngày 10/6/2006; Trần Văn Th, sinh ngày 27/10/2008 hiện nay cháu Tr đã khôn lớn trưởng thành và xây dựng gia đình nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Còn hai cháu Trần Thị Như Q và Trần Văn Th. Ly hôn chị tiếp tục nuôi cháu Q và anh Tr nuôi dưỡng cháu Th và theo nguyện vọng của các con.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn Tr tại phiên tòa vắng mặt không lý do trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến tòa làm việc. Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ anh Tr: Bà V cho biết: Anh Tr và chị O kết hôn năm 1997, sau khi kết hôn xong chị O về làm dâu và chung sống cùng gia đình bà. Tình cảm vợ chồng anh chị thì bình thường. Những năm gần đây thì anh Tr, chị O phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế anh chị làm ăn thua lỗ, anh Tr vay mượn tiền của nhiều người dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau và chị O cũng phải trả nợ cho anh Tr nhiều lần. Nay chị O có đơn ly hôn anh Tr, quan điểm của bà là anh chị ở được với nhau hay không là do anh chị, bà không có ý kiến gì, từ khi Tòa án có thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập gửi đến cho anh Tr bà đều nhận được sau khi nhận được bà đều thông báo cho anh Tr được biết nhưng anh Tr do bận công việc làm ăn nên không đến Tòa án giải quyết được anh Tr có nói lại với bà quan điểm của anh là: “Chị O có đơn ly hôn anh thì tùy chị, anh cũng đồng ý ly hôn. Nguyện vọng của anh là muốn được nuôi cháu Th và do bận công việc anh không về Tòa án giải quyết vụ án được”.

Về con chung: vợ chồng chị O và anh Tr có 03 con chung là Trần Thu Tr, sinh ngày 25/8/1999; cháu Trần Thị Như Q, sinh ngày 10/6/2006; Trần Văn Th, sinh ngày 27/10/2008 hiện nay cháu Tr đã khôn lớn trưởng thành và xây dựng gia đình. Còn hai cháu Q và Th nguyện vọng của anh là muốn được nuôi cháu Th.

Trong bản tự khai của cháu Q, nguyện vọng của cháu nếu bố mẹ ly hôn cháu xin ở với mẹ. Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Th, nguyện vọng của cháu nếu bố mẹ ly hôn cháu xin ở với bố cháu và ông bà nội.

Tòa án tiến hành xác minh nội dung vụ án tại UBND xã Đại Đ địa phương cho biết: Về việc đăng ký kết hôn: Anh Tr và chị O đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân Đại Đ vào sổ Đăng ký kết hôn số 27/1997

ngày 03/4/1997.

Về tình cảm: Sau khi kết hôn xong chị O về chung sống và ăn ở chung cùng gia đình anh Tr, tình cảm vợ chồng ban đầu tình thường, năm 1999 anh chị đi làm ăn ở Lạng Sơn, đến năm 2009 anh chị làm ăn thua lỗ nên về quê ở. Năm 2010 anh chị đi làm ăn ở huyện M, Điện Biên. Anh chị làm ăn như thế nào thì địa phương không biết nhưng thời gian vừa rồi địa phương nghe dư luận và thực tế một số đối tượng đã đến nhà bố mẹ anh Tr để đòi nợ do anh Tr chơi lô đề, cờ bạc nợ nần và địa phương được biết mặc dù chị O đã khuyên bảo động viên anh Trung rất nhiều nhưng anh vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi sửa chữa dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Nay chị O có đơn ly hôn anh Tr. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án kiên trì hòa giải cho anh chị về đoàn tụ. Trường hợp chị O cương quyết yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị O và anh Tr có 03 con chung là Trần Thu Tr, sinh ngày 25/8/1999; cháu Trần Thị Như Q, sinh ngày 10/6/2006; Trần Văn Th, sinh ngày 27/10/2008 hiện nay cháu Tr đã đi lấy chồng, còn cháu Q đang ở với chị O; cháu Th đang ở với anh Tr và bố mẹ anh Tr. Ly hôn đề nghị Tòa án theo nguyện vọng của anh Tr, chị O và của các cháu để đảm bảo sinh hoạt ăn ở học tập tốt nhất cho các cháu. Hiện tại anh Tr vẫn có hộ khẩu thường trú tại Thôn 6, xã Đại Đ. Anh Tr đi làm ăn nay đây mai đó không rõ địa chỉ cụ thể. Địa phương vẫn thấy thỉnh thoảng anh Tr ở nhà. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh Tr địa phương đều giao cho anh Tr hoặc gia đình anh Tr. Còn việc lý do vì sao anh Tr không đến Tòa án làm việc thì địa phương không biết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình phát biểu quan điểm: Về thủ tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Tr chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường không có yêu cầu hay kiến nghị gì và Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị O.

Xử cho chị Bùi Thị O được ly hôn anh Trần Văn Tr.

Giao cháu Trần Thị Như Q, sinh ngày 10/6/2006 cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Trần Văn Th, sinh ngày 27/10/2008 cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con trưởng thành. Người

không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Bùi Thị O khởi kiện anh Trần Văn Tr tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình, Chị O có quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Tr. Bị đơn anh Tr có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã Đại Đ, huyện V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường. Các đương sự tham gia tố tụng đảm bảo năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo theo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 69 và Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị O và anh Trần Văn Tr là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Đ, huyện V. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị là có căn cứ vì quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong cuộc sống hàng ngày anh, chị bất đồng quan điểm trong cách là ăn kinh tế, anh Tr chơi bời nợ nần nhiều, chị O đã khuyên bảo động viên anh Tr nhiều lần nhưng anh Tr không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay hai bên không dàn xếp gì, từ khi Tòa án thụ lý vụ án anh Tr biết việc chị O xin ly hôn nhưng không đến tòa làm việc, vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ cuộc hôn nhân của anh chị mâu thuẫn trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy việc chị O xin ly hôn anh Tr là có căn cứ và phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Chị O và anh Tr có 03 con chung là Trần Thu Tr, sinh ngày 25/8/1999; cháu Trần Thị Như Q, sinh ngày 10/6/2006; Trần Văn Th, sinh ngày 27/10/2008 hiện nay cháu Tr đã xây dựng gia đình, còn cháu Q đang ở với chị O, cháu Thành đang ở với anh Tr và bố mẹ anh Tr. Mặc dù anh Tr không đến Tòa làm việc nhưng tại biên bản lấy lời khai của bà V thể hiện quan điểm của anh Tr là anh muốn được nuôi cháu Th, mặt khác cháu Th sinh năm 2008 hiện nay đã 12 tuổi cháu đang ở với bố và ông bà nội việc ăn ở sinh hoạt, học tập của cháu rất tốt và xét nguyện vọng của cháu Th muốn ở với anh Tr. Do vậy nên giao cháu Q cho chị O chăm sóc giáo dục còn cháu Th giao cho anh Tr nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị O không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét quyết định.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị O phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị O: Xử cho chị Bùi Thị O được ly hôn anh Trần Văn Tr.

2/ Về con chung: Giao chị O tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Thị Như Q, sinh ngày 10/6/2006. Giao anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Văn Th, sinh ngày 27/10/2008. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị O phải chịu 300.000đ án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0004878 ngày 14/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Vĩnh Tường.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã Đại Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kiên Thành

